TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2018/HS-ST
Ngày: 12/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tùng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé.

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T1, sinh năm: 1977 tại thành phố Cần Thơ. Hộ khẩu thường trú: Số 34/10, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 34/10, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K và bà: Nguyễn Thị P; bị cáo có vợ tên Lê Thị Diệp T2, sinh năm: 1979, có 01 con sinh năm 2004; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/8/2014, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/12/2017 (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm: 1961; địa chỉ: Số 56 đường N, tổ B, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Anh Lương Ngọc G, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 42 đường L, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 85 đường P, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

4. Chị Hoàng Thị H1, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 199, tổ V, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

5. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 341A đường N, ấp H, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

6. Bà Trần Thị T3, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số 256/67/3 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

7. Chị Trần Thị T4, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 39/7C đường T, ấp K, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

8. Ông Lương Đức T5, sinh năm: 1963; địa chỉ: Số 25/4P đường N, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

9. Chị Hoàng Thị H2, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 110 đường P, ấp V, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Diệp T2, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số 34/10, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài nên khoảng 09 giờ ngày 28/8/2017, Nguyễn Hữu T1 điều khiển xe gắn máy biển số 61B1-174.54 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phát Lộc" tại ấp G, xã T, huyện C, do bà Trần Thị C làm chủ. Tại đây, T1 nói với bà C chuẩn bị xây nhà trọ (cách cửa hàng vật liệu xây dựng của bà C khoảng 500m). Sau đó T1 giả vờ đặt mua một số vật liệu xây dựng của bà C gồm: 01 xe đá lớn, 01 xe đá nhỏ, 01 xe cát, 10 bao xi măng, sắt cây, sắt cuộn, đặt xong T1 kêu bà C chở tới bãi đất trống (T1 đã đi xem trước thấy mảnh đất trống gần đó, thực tế T1 không xây dựng và không có mảnh đất nào cả) để kịp động thổ và T1 điều khiển xe rời khỏi cửa hàng. Khoảng 05 phút sau T1 điều khiển xe nói trên quay lại cửa hàng và nói với bà C có đoàn thanh tra đô thị đến khu đất kiểm tra nên hỏi mượn bà C 2.000.000 đồng để bồi dưỡng cho đoàn thanh tra. Thấy việc mượn tiền dễ dàng nên T1 nói với bà C chắc không đủ nên mượn thêm 2.000.000 đồng. Bà C đồng ý và đưa thêm cho T1 2.000.000 đồng. Khi mượn được tiền, T1 điều

khiển xe đi, khoảng 10 phút sau T1 quay lại nói với bà C mượn thêm 6.000.000 đồng cho đủ 10.000.000 đồng, khi nào vợ đi chợ về sẽ trả tiền liền. Bà C tin lời đưa thêm cho T1 6.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng, lấy xong tiền, T1 điều khiển xe tẩu thoát.

Khi T1 chiếm đoạt tiền của bà C thì chị Hoàng Thị L, là con dâu của bà C chứng kiến do nghi ngờ nên chị L ghi lại biển số xe và đặc điểm của T1.

Khoảng 07 giờ ngày 15/12/2017, chị Ly phát hiện T1 và chiếc xe gắn máy biển số 61B1 - 174.54 đang ở tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Đoàn Gia Phát Lộc" thuộc ấp G, xã T, huyện C nên tri hô cùng người dân bắt giữ T1 giao Công an xã xử lý.

Tại Cơ quan C sát điều tra, T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời khai nhận bằng thủ đoạn như trên T1 đã thực hiện 04 vụ án khác để chiếm đoạt tài sản tại huyện C gồm:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 04/2015 (không nhớ ngày), tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Ninh Phát" số 85 đường P, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1975 là chủ cửa hàng số tiền 3.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 30/6/2015, tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Trung Dũng" số 199, tổ V, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H1, sinh năm: 1979 là chủ cửa hàng số tiền 5.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng tháng 8/2015 (không nhớ ngày), tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Thái Sơn" số 42 đường L, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Lương Ngọc G, sinh năm: 1973 là chủ cửa hàng số tiền 1.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng tháng 06/2016 (không nhớ ngày), tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Vạn Lý" số 341A đường N, ấp H, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1979 là chủ cửa hàng số tiền 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, bằng thủ đoạn trên T1 còn lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện H và quận G.

Cụ thể, tại huyện H 03 vụ như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 21/9/2012, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phát Thanh" lừa đảo chiếm đoạt 12.000.000 đồng của Trần Thị T4, sinh năm: 1972; ngụ: Số 39/7C đường T, ấp K, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ thứ hai: Ngày 13/4/2016, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Ngọc Thắng" lừa đảo chiếm đoạt 1.500.000 đồng của ông Lương Đức T5, sinh năm: 1963; ngụ: Số 25/4P đường N, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ thứ ba: Ngày 01/6/2016, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phú Cường" lừa đảo chiếm đoạt 15.000.000 đồng của chị Hoàng Thị H2, sinh năm: 1979; ngụ: Số 110 đường P, ấp V, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại quận G 01 vụ như sau:

Ngày 12/8/2015, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phương Nam" lừa đảo chiếm đoạt 3.000.000 đồng của bà Trần Thị T3, sinh năm: 1967; ngụ: Số 256/67/3 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các vụ án trên bị hại không đến Công an địa phương trình báo mà khi biết tin T1 bị bắt tại huyện Củ Chi nên đến Công an huyện Củ Chi làm đơn tố cao.

Vật chứng vụ án:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 40.500.000 đồng.

- 01 xe gắn máy biển số 61B1-174.54, số máy: JC52E4186768, số khung: 5212CY141611.

Tại Bản cáo trạng số 99/CTr-VKS-HS ngày 19/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố Nguyễn Hữu T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo, đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T1 với mức án 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù; đồng thời đề nghị xử lý về vật chứng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 09 giờ ngày 28/8/2017, Nguyễn Hữu T1 điều khiển xe gắn máy biển số 61B1-174.54 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phát Lộc" tại ấp G, xã T, huyện C, do bà Trần Thị C làm chủ. Tại đây, T1 nói với bà C chuẩn bị xây nhà trọ (cách cửa hàng vật liệu xây dựng của bà C khoảng 500m). Sau đó T1 giả vờ đặt mua một số vật liệu xây dựng của bà C gồm: 01 xe đá lớn, 01 xe đá nhỏ, 01 xe cát, 10 bao xi măng, sắt cây, sắt cuộn, đặt xong T1 kêu bà C chở tới bãi đất trống (T1 đã đi xem trước thấy mảnh đất trống gần đó, thực tế T1 không xây dựng và không có mảnh đất nào cả) để kịp động thổ và T1 điều khiển xe rời khỏi cửa hàng. Khoảng 05 phút sau T1 điều khiển xe nói trên quay lại cửa hàng và nói với bà C có đoàn thanh tra đô thị đến khu đất kiểm tra nên hỏi mượn bà C 2.000.000 đồng để bồi dưỡng cho đoàn thanh tra. Thấy việc mượn tiền dễ dàng nên T1 nói với bà C chắc không đủ nên mượn thêm 2.000.000 đồng. Bà C đồng ý và đưa thêm cho T1 2.000.000 đồng. Khi mượn được tiền, T1 điều khiển xe đi, khoảng 10 phút sau T1 quay lại nói với bà C mượn thêm 6.000.000 đồng cho đủ 10.000.000 đồng, khi nào vợ đi chợ về sẽ trả tiền liền. Bà C tin lời đưa thêm cho T1 6.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng, lấy xong tiền, T1 điều khiển xe tẩu thoát. Khoảng 07 giờ ngày 15/12/2017, chị L phát hiện T1 và chiếc xe gắn máy biển số 61B1 - 174.54 đang ở tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Đoàn Gia Phát Lộc" thuộc ấp G, xã T, huyện C nên tri hô cùng người dân bắt giữ T1 giao Công an xã xử lý. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời khai nhận bằng thủ đoạn như trên T1 đã thực hiện 04 vụ án khác để chiếm đoạt tài sản tại huyện Củ Chi gồm:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 04/2015 (không nhớ ngày), tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Ninh Phát" số 85 đường P, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1975 là chủ cửa hàng số tiền 3.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào ngày 30/6/2015, tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Trung Dũng" số 199, tổ V, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H1, sinh năm: 1979 là chủ cửa hàng số tiền 5.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng tháng 8/2015 (không nhớ ngày), tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Thái Sơn" số 42 đường L, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Lương Ngọc G, sinh năm: 1973 là chủ cửa hàng số tiền 1.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng tháng 06/2016 (không nhớ ngày), tại Cửa hàng vật liệu xây dựng "Vạn Lý" số 341A đường N, ấp H, xã P, huyện C,

Thành phố Hồ Chí Minh, T1 đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1979 là chủ cửa hàng số tiền 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, bằng thủ đoạn trên T1 còn lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện H và quận G cụ thể như sau:

Tại huyện H:

Vụ thứ nhất: Ngày 21/9/2012, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phát Thanh" lừa đảo chiếm đoạt 12.000.000 đồng của Trần Thị T4, sinh năm: 1972; ngụ: Số 39/7C đường T, ấp K, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ thứ hai: Ngày 13/4/2016, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Ngọc Thắng" lừa đảo chiếm đoạt 1.500.000 đồng của ông Lương Đức T5, sinh năm: 1963; ngụ: Số 25/4P đường N, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ thứ ba: Ngày 01/6/2016, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phú Cường" lừa đảo chiếm đoạt 15.000.000 đồng của chị Hoàng Thị H2, sinh năm: 1979; ngụ: Số 110 đường P, ấp V, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại quận G: Ngày 12/8/2015, T1 đến Cửa hàng vật liệu xây dựng "Phương Nam" lừa đảo chiếm đoạt 3.000.000 đồng của bà Trần Thị T3, sinh năm: 1967; ngụ: Số 256/67/3 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 09 lần và coi hoạt động này như nghề nghiệp của mình, lấy nguồn thu từ việc phạm tội làm nguồn sống cho bản thân; mặt khác, tổng tài sản mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của những bị hại là 52.500.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo T1 đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu T1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phạm tội do cố ý, bị cáo đã có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội và quyền sở hữu về tài

sản của công dân nên bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình đã nộp 40.500.000 đồng cho Cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Về nghĩa vụ dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu T1 bồi thường số tiền chiếm đoạt cụ thể như sau:

Bà Trần Thị C yêu cầu bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng.

Chị Hoàng Thị N yêu cầu bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng.

Chị Hoàng Thị H1 yêu cầu bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Trần Thị T4 chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng.

Chị Hoàng Thị H2 yêu cầu bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng.

Bà Trần Thị T3 yêu cầu bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng.

Đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện các bị hại có yêu cầu T1 bồi thường số tiền chiếm đoạt cụ thể như sau:

Anh Lương Ngọc G yêu cầu bồi thường số tiền là 1.500.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị A yêu cầu bồi thường số tiền là 1.500.000 đồng.

Ông Lương Đức T5 yêu cầu bồi thường số tiền là 1.500.000 đồng.

Xét thấy cần buộc bị cáo bồi thường số tiền nêu trên cho các bị hại. Tại phiên tòa, Nguyễn Hữu T1 đồng ý bồi thường khắc phục số tiền nêu trên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo; bị cáo và gia đình đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 40.500.000 đồng để bồi thường cho các bị hại; do đó, các bị hại được nhận số tiền như sau:

Bà Trần Thị C được nhận số tiền là 8.019.000 đồng; buộc bị cáo phải bồi thường thêm số tiền 1.981.000 đồng.

Chị Hoàng Thị N được nhận số tiền là 2.406.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền là 594.000 đồng.

Chị Hoàng Thị H1 được nhận số tiền là 4.010.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền 990.000 đồng.

Anh Lương Ngọc G được nhận số tiền là 1.202.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền là 298.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị A được nhận số tiền là 1.202.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền là 298.000 đồng.

Chị Trần Thị T4 được nhận số tiền là 8.019.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền là 1.981.000 đồng.

Ông Lương Đức T5 được nhận số tiền là 1.202.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền là 298.000 đồng.

Chị Hoàng Thị H2 được nhận số tiền là 12.034.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền là 2.966.000 đồng.

Bà Trần Thị T3 được nhận số tiền là 2.406.000 đồng; buộc bị cáo bồi thường thêm số tiền là 594.000 đồng.

[3] Về vật chứng vụ án:

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 40.500.000 đồng là tiền bị cáo và gia đình giao nộp được trả cho các bị hại.

- 01 xe gắn máy biển số 61B1-174.54, số máy: JC52E4186768, số khung: 5212CY141611; qua điều tra, xe gắn máy này do chị Lê Thị Diệp T2 đứng tên chủ sở hữu; việc T1 sử dụng xe đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chị T2 không biết; do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho chị T2.

[4] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ: Điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/12/2017.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho chị Lê Thị Diệp T2: 01 xe gắn máy biển số 61B1-174.54, số máy: JC52E4186768, số khung: 5212CY141611.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 40.500.000 (bốn mươi triệu năm trăm nghìn) đồng được trả cho các bị hại cụ thể như sau:

Bà Trần Thị C được nhận số tiền là 8.019.000 (tám triệu không trăm mười chín nghìn) đồng;

Chị Hoàng Thị N được nhận số tiền là 2.406.000 (hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng;

Chị Hoàng Thị H1 được nhận số tiền là 4.010.000 (bốn triệu không trăm mười nghìn) đồng;

Anh Lương Ngọc G được nhận số tiền là 1.202.000 (một triệu hai trăm lẻ hai nghìn) đồng;

Chị Nguyễn Thị A được nhận số tiền là 1.202.000 (một triệu hai trăm lẻ hai nghìn) đồng;

Chị Trần Thị T4 được nhận số tiền là 8.019.000 (tám triệu không trăm mười chín nghìn) đồng;

Ông Lương Đức T5 được nhận số tiền là 1.202.000 (một triệu hai trăm lẻ hai nghìn) đồng;

Chị Hoàng Thị H2 được nhận số tiền là 12.034.000 (mười hai triệu không trăm ba mươi bốn nghìn) đồng;

Bà Trần Thị T3 được nhận số tiền là 2.406.000 (hai triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn) đồng;

(Tang vật theo Phiếu nhập kho vật chứng số 82/PNK ngày 12/3/2018 của Công an huyện Củ Chi).

Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Hữu T1 tự nguyện bồi thường tiếp tục cho các các bị hại với mức bồi thường cụ thể như sau:

Bà Trần Thị C số tiền 1.981.000 (một triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn) đồng.

Chị Hoàng Thị N số tiền là 594.000 (năm trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Chị Hoàng Thị H1 số tiền 990.000 (chín trăm chín mươi nghìn) đồng.

Anh Lương Ngọc G số tiền là 298.000 (hai trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị A số tiền là 298.000 (hai trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Chị Trần Thị T4 số tiền là 1.981.000 (một triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn) đồng.

Ông Lương Đức T5 số tiền là 298.000 (hai trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

Chị Hoàng Thị H2 số tiền là 2.966.000 (hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Bà Trần Thị T3 số tiền là 594.000 (năm trăm chín mươi bốn nghìn) đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, nếu bị cáo chưa thi hành thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Nguyễn Hữu T1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo, những đương sự có mặt tại phiên tòa, đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Vũ Tùng Lâm